**BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH**

**ĐỐI VỚI LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT LUẬT NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH,**

**QUÁ CẢNH, CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Đơn vị tham gia ý kiến** | **Nội dung tham gia** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| **I. Đối với Báo cáo Tổng kết** | | | |
| 1. | Bộ Quốc phòng | Đề nghị bổ sung một số nội dung vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai Luật  a) Đối với người nước ngoài (không phải là thuyền viên) đi theo tàu nhưng không rời tàu trong thời gian tàu thuyền neo đậu, làm hàng tại cảng:  Tại Khoản 5 Điều 3 Luật số 47/QH13/2014 quy định “Quá cảnh là việc người nước ngoài đi qua hoặc lưu lại khu vực quá cảnh tại cửa khẩu quốc tế của Việt Nam để đi nước thứ ba”. Điều 26 Luật này quy định: “Người nước ngoài quá cảnh đường biển được miễn thị thực và phải ở khu vực quá cảnh tại cửa khẩu cảng biển trong thời gian tàu thuyền neo đậu”. Tuy nhiên, tại Điều 4 (Giải thích từ ngữ) và Điều 73 (quy định về cảng biển) của Bộ Luật hàng hải Việt Nam năm 2015 và trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành không có khái niệm về “khu vực quá cảnh” tại cảng biển.  Trên tàu thuyền chở hàng hóa, ngoài thuyền viên *(được định biên thuyền bộ)*, còn có trường hợp người nước ngoài không phải là thuyền viên *(người của hãng tàu, nhân viên kỹ thuật, người thân của thuyền viên…)* đi theo tàu, nhưng không rời tàu trong thời gian tàu thuyền neo đậu, làm hàng tại cảng. Nhiều tàu thuyền sau khi nhập cảnh còn tiếp tục hành trình chuyển cảng đến cửa khẩu cảng khác của Việt Nam. Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định người nước ngoài thuộc đối tượng này được hưởng chế độ hành khách quá cảnh *(không phải đề nghị cấp thị thực)* hay phải thực hiện chế độ hành khách nhập cảnh *(phải đề nghị cấp thị thực).* Việc chưa có cơ sở pháp lý gây khó khăn trong công tác kiểm soát xuất nhập cảnh của các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng. | Tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03/7/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng quy định “Tàu thuyền quá cảnh là tàu thuyền nước ngoài đi qua, lưu lại khu vực biên giới biển Việt Nam để đi nước thứ ba”. Do đó, các trường hợp thuyền viên, người nước ngoài không phải là thuyền viên đi theo tàu thuộc đối tượng nêu trên thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 77/2017/NĐ-CP và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. |
|  |  | b) Đối với người nước ngoài thuộc đối tượng được cấp thị thực theo danh sách xét duyệt nhân sự của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh  Luật quy định người nước ngoài được cấp thị thực theo danh sách xét duyệt nhân sự với mục đích đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thông thoáng, thuận lợi để phát triển du lịch đường biển. Tuy nhiên, khi nhập cảnh, cá nhân người nước ngoài thuộc đối tượng này phải khai tờ khai đề nghị cấp thị thực. Quy định này chưa thực sự đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thông thoáng, thuận lợi cho khách du lịch đường biển, đặc biệt là đối với những tàu chở khách du lịch quốc tế có số lượng khách lớn *(trên 2.000 người),* thời gian đến cảng ngắn *(04 - 05 giờ).* | Bộ Công an nghiên cứu, tiếp thu vào Báo cáo Tổng kết. |
|  |  | Hiện nay cũng chưa có quy định về việc người nước ngoài thuộc đối tượng này có được chuyển đổi thị thực cấp theo danh sách sang thị thực cá nhân khi có nhu cầu tách đoàn đi tham quan, du lịch ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu hoặc rời tàu, xuất cảnh qua cửa khẩu khác. | Việc cấp thị thực cho các trường hợp có nhu cầu tách đoàn là nội dung mang tính kỹ thuật, không thuộc phạm vi chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. |
| c) Tại điểm a khoản 1 Điều 20 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 *(sửa đổi, bổ sung năm 2019)* xác định người nước ngoài được nhập cảnh vào Việt Nam cần phải có “Có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và thị thực, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của Luật này”; quy định này chưa tương thích với các Hiệp định về quy chế quản lý biên giới quốc gia giữa Việt Nam ký kết với các nước có chung đường biên giới và chưa phù hợp với thực tiễn xuất nhập cảnh của cư dân biên giới hiện nay. | Hiệp định về quy chế quản lý biên giới quốc gia giữa Việt Nam ký kết với các nước có chung đường biên giới là Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; do đó, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam không ảnh hưởng đến việc nhập cảnh của cư dân biên giới theo các Hiệp định trên. |
| d) Đối với Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử đã tạo nhiều thuận lợi cho hành khách nhưng nhiều trường hợp hành khách nhập cảnh chưa đúng cửa khẩu đã đăng ký buộc phải quay lại ảnh hưởng đến lịch trình của hành khách. | Bộ Công an nghiên cứu, tiếp thu vào Báo cáo Tổng kết. |
| 2. | Bộ Tư pháp | Hiện nay Bộ Công an đang đề xuất quy định việc cấp giấy tờ quản lý cho đối tượng là người không quốc tịch đang cư trú ở Việt Nam vào dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi). Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy nhóm đối tượng này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Căn cước công dân. Trong khi đó, theo hồ sơ đề nghị thẩm định Luật Căn cước công dân, cần có quy định về việc cấp các giấy tờ cho nhóm đối tượng này để họ thực hiện các giao dịch cơ bản tại Việt Nam, nhất là đối với việc cư trú, đi lại. Bộ Tư pháp cho rằng việc bổ sung các quy định này vào Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam là phù hợp hơn về phạm vi, đối tượng điều chỉnh và đảm bảo được tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ nghiên cứu tổng kết thực tiễn, bổ sung chính sách hướng tới điều chỉnh nhóm đối tượng này. | Về vấn đề này, Bộ Công an giải trình như sau: Bộ Công an đã có giải trình cụ thể về quy định cấp giấy tờ quản lý cho đối tượng là người không quốc tịch đang cư trú ở Việt Nam vào dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi); đồng thời trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật Căn cước công dân (sửa đổi), Chính phủ cũng đã thống nhất thông qua 04 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật, trong đó bao gồm chính sách cấp chứng nhận căn cước cho đối tượng này. |
|  |  | - Tại Phần III.2 của dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đưa ra kiến nghị “Sửa đổi, bổ sung quy định để nâng cao hiệu quả công tác quản lý cư trú của người nước ngoài, nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức sử dụng lao động nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch cho người nước ngoài...”, tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy chưa thực sự đánh giá được sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung quy định này tại Phần III. 1.1.2 dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài. | Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an chỉnh lý dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam theo hướng bổ sung các đánh giá cụ thể sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy định để nâng cao hiệu quả công tác quản lý cư trú của người nước ngoài, nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức sử dụng lao động nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch cho người nước ngoài. |
| 3. | Bộ Ngoại giao | Đề nghị cập nhật một số thông tin, ý kiến nêu tại công văn số 1099/BNG-LS ngày 16/3/2023 của Bô Ngoại giao. | Bộ Công an đã nghiên cứu, tiếp thu tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật |
| **II. Đối với dự thảo Tờ trình** | | | |
| 1. | Bộ Nội vụ | Mục I sự cần thiết ban hành đề nghị bố cục theo hướng:  “1.1. Cơ sở chính trị  1.2. Cơ sở pháp lý  1.3. Cơ sở thực tiễn”. | Bộ Công an đã tiếp thu, chỉnh lý bố cục Tờ trình theo hướn cần thiết đề nghị xây dựng Luật xuất phát từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn. |
|  |  | Tại khoản 2 Mục V: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá và làm rõ nguồn nhân lực để bảo đảm không làm tăng tổ chức bộ máy và biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo đúng tinh thần các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017) và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. | Bộ Công an đã tiếp thu, chỉnh lý vào dự thảo. |
| **III. Đối với Báo cáo đánh giá tác động chính sách** | | | |
| 1. | Bộ Nội vụ | Tại chính sách 2 (Hoàn thiện một số quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú cua người nước ngoài tại Việt Nam): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bồ sung kiến nghị rõ lựa chọn giải pháp nào. | Bộ Công an đã tiếp thu, chỉnh lý vào dự thảo. |
| Tại giải pháp 2 của 2 chính sách: về nội dung đánh giá tác động tiêu cực đối với cơ quan nhà nước, đề nghị bổ sung làm rõ nhà nước phải đầu tư nguồn lực như thế nào để bảo đảm tính khả thi của giải pháp trong các chính sách. | Giải pháp 2 của 2 chính sách không làm phát sinh các tác động tiêu cực đối với cơ quan nhà nước về nguồn lực thực hiện vì các nội dung này sẽ được triển khai thực hiện trên cơ sở nguồn lực sẵn có của Bộ Công an. Tiếp thu ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Công an đã nghiên cứu, chỉnh lý tại dự thảo Tờ trình. |
| Giải pháp 2 của chính sách 2 đề xuất theo hướng bổ sung quy định người nước ngoài có trách nhiệm cung cấp thông tin, hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam để cơ sở lưu trú thực hiện khai báo tạm trú. Vì vậy, đề nghị rà soát bổ sung đánh giá về thủ tục hành chính (tránh việc thông thoáng trong việc nhập cảnh, khó khăn trong quản lý cư trú; đồng thời quy định cụ thể về giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam để tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện). | Giải pháp 2 của chính sách 2 không làm phát sinh thủ tục hành chính vì việc khai báo tạm trú là trách nhiệm của cơ sở lưu trú, người nước ngoài có trách nhiệm cung cấp các thông tin về hộ chiếu, giấy tờ có giá trị cư trú để cơ sở lưu trú thực hiện. |
| 2. | Bộ Tư pháp | Bộ Tư pháp nhận thấy các chính sách tại đề nghị xây dựng Luật điều chỉnh quy định liên quan đến thủ tục cấp thị thực, tạm trú; do vậy, tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Bộ Tư pháp đề nghị đánh giá cụ thể hơn tác động của các thủ tục hành chính nêu trên. | Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an rà soát, chỉnh lý Báo cáo đánh giá tác động chính sách theo hướng bổ sung đánh giá cụ thể về tác động thủ tục hành chính của các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật bảo đảm theo quy đinh tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung một sổ điều bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 17/8/2017 cua Chính phủ); Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. |
|  |  | Về tên gọi của chính sách, Bộ Tư pháp đề nghị cân nhắc chỉnh lý tên của các chính sách để đảm bảo phù hợp với nội dung của chính sách như đối với Chính sách 1, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cân nhắc tên chính sách theo hướng: “Hoàn thiện quy định của pháp luật tiếp tục tạo điều kiện hơn nữa cho người nước ngoài nhập xuất cảnh Việt Nam". | Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an chỉnh lý tên các Chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật đảm bảo thống nhất, phù hợp với nội dung của các chính sách. |
| 3. | Bộ Ngoại giao | Đề nghị Bộ Công an đánh giá kỹ thêm ảnh hưởng, tác động của việc nâng thời hạn e-visa từ 30 ngày lên 03 tháng (có khả nǎng sẽ đưa đến hệ quả là e-visa thay thế hơn 20 loại thị thực như HN, DN1, DN2, PV2, VR... trong khi các loại thị thực này yêu cầu người nhập cảnh phải có cơ quan, tổ chức mời đón và làm thủ tục duyệt thị thực chặt chẽ hoặc khách sử dụng e-visa nhập cảnh với mục đích báo chí, tôn giáo...). | Bộ Công an nghiên cứu, tiếp thu đánh giá tại Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. |
| **IV. Đối với dự thảo đề cương Luật** | | | |
| 1. | Bộ Quốc phòng | a) Đề nghị bổ sung quy định đối với người nước ngoài không phải là thuyền viên đi theo tàu nhưng không rời tàu theo hướng:  - Cho phép người nước ngoài không phải là thuyền viên đi theo tàu nhưng không rời tàu *(bao gồm các trường hợp tàu nhập cảnh, xuất cảnh tại cùng một cảng và chuyển cảng đến nhiều cảng khác của Việt Nam)* được hưởng chế độ hành khách quá cảnh trong trường hợp người làm thủ tục khai báo quá cảnh tại danh sách hành khách. Biên phòng cửa khẩu cảng xét duyệt quá cảnh thông qua danh sách quá cảnh đã được khai báo, không thực hiện kiểm chứng nhập xuất cảnh, hành khách quá cảnh không được rời tàu. | Bộ Công an đã giải trình tại điểm I.1 |
| - Trường hợp người làm thủ tục không khai báo quá cảnh, người nước ngoài không phải là thuyền viên đi theo tàu phải đề nghị cấp thị thực *(đối với người nước ngoài đi theo tàu không thuộc diện miễn thị thực)*, thực hiện cấp thị thực và kiểm chứng nhập xuất cảnh theo quy định. |  |
| b) Đối với người nước ngoài thuộc đối tượng được cấp thị thực theo danh sách xét duyệt nhân sự của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, đề nghị bổ sung, sửa đổi quy định của Luật theo hướng:  - Người đại diện trong danh sách đề nghị cấp thị thực khai tờ khai đề nghị cấp thị thực. Khi có nhu cầu tách đoàn đi tham quan, du lịch ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu hoặc rời tàu, xuất cảnh qua cửa khẩu khác thì cá nhân người nước ngoài phải khai tờ khai đề nghị cấp thị thực và được cấp thị thực cá nhân theo quy định. | Các nội dung về khai tờ khai đề nghị cấp thị thực, người nước ngoài đã được cấp thị thực theo danh sách có nhu cầu tách đoàn không thuộc phạm vi chính sách đề nghị xây dựng Luật. Đối với việc cấp thị thực cho người nước ngoài có nhu cầu tách đoàn, Bộ Công an đã giải trình tại điểm I.1. |
| - Trường hợp người nước ngoài đãđược cấp thị thực theo danh sách có nhu cầu tách đoàn đi tham quan, du lịch ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tàu neo đậu hoặc rời tàu, xuất cảnh qua cửa khẩu khác: Được chuyển ngang giá trị sử dụng của thị thực từ hình thức cấp theo danh sách sang hình thức cấp vào hộ chiếu hoặc giấy tờcó giá trịđi lại quốc tế của hành khách, thành viên tàu quân sự hoặc cấp rời *(theo quy định tại Điều 11 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam)*; cấp chứng nhận tạm trú theo thời hạn tại Công văn xét duyệt nhân sự; không thu phí thị thực, lý do khi cấp thị thực theo danh sách, Biên phòng cửa khẩu cảng đã thu phí. Nếu tiếp tục thu phí cấp thị thực khi tách đoàn, người nước ngoài sẽ phải nộp phí thị thực 02 lần. | Khi sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07/4/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam, đề nghị Bộ Quốc phòng kiến nghị Bộ Tài chính việc bổ sung quy định này. |
|  | Để đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn và khuyến nghị của Công ước tạo thuận lợi trong giao thông hàng hải quốc tế*(Công ước FAL65)*, đề nghị bổ sung quy định cho phép thuyền viên nước ngoài được sử dụng sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên để nhập cảnh hồi hương trong trường hợp không có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trịđi lại quốc tế hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trịđi lại quốc tế hết giá trị sử dụng *(thuyền viên được cấp thị thực rời).* | Luật đã quy định điều kiện cấp thị thực là có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; đối với người sử dụng sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. |
| Tại khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật *(sửa đổi, bổ sung Điều 45),* đề nghị bổ sung cụm từ “hoặc Bộ đội Biên phòng ở khu vực biên giới, cửa khẩu”và viết lại như sau:  “3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chỉ sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch hoặc cho người nước ngoài tạm trú qua đêm khi người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm phải thông báo cho cơ quan Công an **hoặc Bộ đội Biên phòng ở khu vực biên giới, cửa khẩu** nơi gần nhất”.  Lý do: Vì Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm (được quy định tại Điều 145, Bộ Luật Tố tụng hình sự). | Bộ Công an nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo Luật như sau:  “3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chỉ sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch hoặc cho người nước ngoài tạm trú qua đêm khi người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm **về cư trú** phải thông báo cho cơ quan Công nơi gần nhất”.  Nội dung trên đề cập đến việc cư trú hợp pháp của NNN tại Việt Nam và trách nhiệm xử lý vi phạm hành chính về cư trú (thuộc thẩm quyền của Bộ Công an), không giải quyết vi phạm về hình sự  Ngoài ra, theo Thông tư liên tịch quy định việc phối hợp của các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BCA ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an), thì trách nhiệm, thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm đã được quy định rõ, trong đó có Bộ đội Biên phòng. |
| **V. Vấn đề khác** | | | |
| 1. | Bộ Nội vụ | Thống nhất về việc Bộ Công an trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới. |  |
| Đề nghị rà soát các chính sách trong dự án Luật, bảo đảm không chồng chéo với các chính sách đã được ban hành. Trường hợp cần thiết phải ban hành các chính sách mới thì cần làm rõ căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn và đánh giá tác động của các chính sách này. | Bộ Công an đã tiếp thu như nêu tại mục II.1 |
| 2. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Thống nhất với nội dung dự thảo Báo cáo Tổng kết thi hành luật, dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng Luật, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật và dự thảo đề cương Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam. |  |
| 3. | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Đề xuất xem xét bổ sung quy định thí điểm cấp thị thực tại cửa khẩu trên cơ sở xét duyệt nhân sự tại chỗ cho khách du lịch quốc tế. | Dự thảo Luật đã bổ sung chính sách thị thực điện tử theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh cảnh (nâng thời hạn lên không quá 3 tháng, có giá trị nhiều lần, giao Chính phủ quyết định các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử), do đó, Bộ Công an đề nghị giữ như dự thảo. |
| Quy định rõ hơn thời gian gia hạn miễn thị thực nhập cảnh cho công dân các nước đang áp dụng chính sách đơn phương miễn thị thực nhập cảnh lên 05 năm để các cơ quan, doanh nghiệp và đối tác có thể xây dựng các kế hoạch phù hợp nhằm khai thác thị trường. | Luật đã quy định Chính phủ có thẩm quyền quyết định đơn phương miễn thị thực cho từng nướcvới thời hạn không quá 05 năm. |
| Cần tiếp tục triển khai áp dụng chính sách miễn thị thực đơn phương cho 13 nước đã được áp dụng miễn thị thực đơn phương; mở rộng danh sách miễn thị thực đơn phương đến các thị trường trọng điểm, thị trường tiềm năng của du lịch Việt Nam và các nước có quan hệ hữu nghị, truyền thống với Việt Nam; mở rộng danh sách các nước và vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử; mở rộng danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép khách du lịch sử dụng thị thực điện tử được nhập cảnh, xuất cảnh khi các cửa khẩu đáp ứng đủ điều kiện. | Việc mở rộng các nước được đơn phương miễn thị thực, mở rộng các nước có công dân được cấp thị thực điện tử, danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử, thuộc thẩm quyền của Chính phủ theo quy định của Luật. |
| 4. | Bộ Tư pháp | Bộ Tư pháp cho rằng một trong những mục đích xây dựng luật là góp phần đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (được nêu tại Mục 1.1 dự thảo Tờ trình), tuy nhiên nội dung các chính sách và dự thảo Báo cáo đánh giá tác động các chính sách chưa thể hiện được mục đích này. | Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an rà soát chỉnh lý nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng Luật đảm bảo thống nhất. |
| Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công an thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị xây dựng Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020). | Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Công an chỉnh lý hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật theo hướng xây dựng một Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đảm bảo thời gian trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 5 để xem xét, quyết định bổ sung dự án luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trình Quốc hội thông qua dự án Luật tại Kỳ họp thứ 6 theo quy trình 01 kỳ họp. |
| 5. | Bộ Ngoại giao | Đề nghị thống nhất không áp dụng nguyên tắc mời đón, bảo lãnh liên quan đến đối tượng là người nước ngoài nhập cảnh với mục đích du lịch, tìm hiểu thị trường. Bộ Ngoại giao đề xuất sửa đổi thủ tục duyệt cấp thị thực cho đối tượng trên theo thủ tục, trình tự cơ bản sau:  - Hồ sơ khách xin thị thực cần nộp: (1) Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/giấy tờ thay thế hộ chiếu được Việt Nam chấp nhận. (2) Tờ khai đề nghị cấp thị thực kèm theo ảnh.  - Trình tự giải quyết: (1) Người đề nghị cấp thị thực nộp hồ sơ theo quy định trên tại cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài (tức là các CQĐD). (2) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, CQĐD gửi danh sách người đề nghị cấp thị thực về Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an. (3) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét và trả lời CQĐD. (4) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của Cục Quân lý xuất nhập cảnh, CQĐD cấp thị thực. | Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung chính sách thị thực điện tử theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh (nâng thời hạn lên không quá 3 tháng, có giá trị nhiều lần, giao Chính phủ quyết định các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử). Với thủ tục đơn giản, thuận tiện, minh bạch, nhanh chóng, người nước ngoài không phải đến CQĐD, không phải làm thủ tục đề nghị cấp thị thực qua khâu trung gian, người nước ngoài sẽ lựa chọn thị thực điện tử khi có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam. Do đó, Bộ Công an đề nghị giữ như dự thảo. |
|  |  | Đề nghị bổ sung tại khoản 5 Điều 10 của Luật theo hướng: “Thị thực điện tử cấp cho người nước ngoài có hộ chiếu (*trừ người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ*) và không thuộc diện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 của Luật này”.  Quy định tại khoản 5 Điều 10 hiện nay là e-visa không áp dụng cho người xin các loại thị thực NG1, NG2, NG3, NG4. Tuy nhiên người nước ngoài mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ vẫn có thể xin e-visa nếu nhập cảnh với mục đích khác như dự hội thảo, làm việc với Bộ, ngành, địa phương; đây là đối tượng cần quản lý thông qua cơ quan, tổ chức mời đón; đồng thời một số trường hợp được miễn phí theo thỏa thuận hoặc áp dụng có đi có lại. Vì vậy việc bổ sung đối tượng người nước ngoài mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ không xin e-visa mà phải xin thị thực “truyền thống” là cần thiết, đảm bảo thống nhất trong thực hiện, tránh gây phức tạp về đối ngoại. | Luật không quy định loại hộ chiếu của người nước ngoài khi đề nghị cấp thị thực điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài có thể sử dụng các loại hộ chiếu khác nhau để làm thủ tục đề nghị cấp thị thực điện tử. Về thủ tục, khi người nước ngoài khai tờ khai đề nghị cấp thị thực điện tử phải ghi mục đích nhập cảnh, các trường hợp có mục đích đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ, đảm bảo điều kiện của pháp luật như tôn giáo, phóng viên báo chí…, Bộ Công an sẽ xem xét trong quá trình xét duyệt. |
|  |  | Đề nghị điều chỉnh quy định về thời hạn thị thực (Điều 9), thời hạn tạm trú (Ðiều 31.1) theo hướng một số thị thực du lịch, thăm thân, việc riêng... có thể có thời hạn lên đến 01 năm hoặc 02 năm, thời hạn tạm trú chỉ 30-90 ngày cho mỗi lần nhập cảnh; theo Luật, hiện tại mới chỉ có thị thực du lịch (ký hiệu DL) được áp dụng nguyên tắc này. Đồng thời sửa đổi quy định về gia hạn cư trú (Điều 35) theo hướng người nước ngoài (nhập cảnh theo diện e-visa, đơn phương miễn thị thực...) có thể trực tiếp làm thủ tục gia hạn tạm trú với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, thay vì phải thông qua cơ quan, doanh nghiệp mời đón, bảo lãnh. Những điều chỉnh này sẽ cho phép người nước ngoài được chủ động, thuận lợi về thời gian nhập cảnh Việt Nam và đơn giản hóa viêc xin lại thị thực/e-visa mới và gia hạn tạm trú trước khi hết hạn. | Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung chính sách thị thực điện tử theo hướng nâng thời hạn lên không quá 3 tháng, có giá trị nhiều lần, giao Chính phủ quyết định danh sách các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử, danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử. Việc nâng thời hạn thị thực điện tử lên đến 03 tháng, có giá trị nhiều lần sẽ tạo thuận lợi hơn cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, người nước ngoài chủ động được thời gian khi có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam, đồng thời đảm bảo yêu cầu công tác quản lý trong giai đoạn hiện nay. Do đó, Bộ Công an đề nghị giữ như dự thảo. |
|  |  | Về cách tiếp cận vấn đề nhập xuất cảnh của người nước ngoài trong quan hệ chính trị đối ngoại của Việt Nam  Đề nghị sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Ðiều 4 (Nguyên tắc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú) Luật Nhập xuất cảnh như sau: “Tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, *phù hợp với chính sách đối ngoại của Việt Nam từng thời kỳ*, bình đẳng trong quan hệ quốc tế”. | Tại Tờ trình đề nghị xây dựng Luật, Bộ Công an đã đánh giá việc tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi một số quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho khách du lịch, chuyên gia, nhà đầu tư nước ngoài… vào Việt Nam, đáp ứng các yêu cầu cấp bách nhằm góp phần thúc đẩy du lịch, phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19. Các quy định được đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp nguyên tắc của Luật. Do đó, Bộ Công an đề nghị không sửa đổi, bổ sung về nguyên tắc của Luật. |
|  |  | Trên cơ sở thống nhất cách tiếp cận về vấn đề nhập xuất cành của người nước ngoài trong tổng thể quan hệ chính trị đối ngoại của Việt Nam, Bộ Ngoại giao đề xuất bố sung một số quy định như sau:  - Giao Chính phủ xem xét, quyết định việc đàm phán, ký điều ước quốc tế có quy định về thời hạn thị thực lên đến 05 năm, thời hạn tạm trú không gắn với thời hạn thị thực.  Việc Chính phủ Việt Nam đàm phán, ký điều ước quốc tế với phía nước ngoài để thiết lập những cơ chế cấp thị thực thuận lợi hơn so với quy định của Luật đã có thực tiễn như Thỏa thuận về cấp thị thực giữa Việt Nam và Hoa Kỳ nǎm 2016, trong đó cho phép cấp thị thực du lịch có thời hạn lên đến 01 năm cho công dân cả hai nước (quy định của Luật chỉ là 03 tháng); việc áp dụng Thỏa thuận này đã phải trình Quốc hội ban hành Nghị quyết để thông qua. Tuy nhiên, việc Luật Nhập xuất cảnh quy định cứng các nội dung như thời hạn của từng loại thị thực, thời hạn cư trú gắn với thời hạn thị thực là chưa thực sự linh hoạt, là rào cản pháp lý đối với việc đàm phán, trao đổi với phía nước ngoài tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập xuất cảnh cua công dân Việt Nam.  Do đó, Bộ Ngoại giao thấy cần thiết bổ sung quy định mang tính nguyên tắc cho phép khả năng thiết lập các cơ chế song phương, đa phương (nếu có) về việc tạo thuận lợi trong thủ tục cấp thị thực hoặc miễn thị thực trên cơ sở đàm phán điều ước quốc tế hoặc nguyên tắc có đi có lại. | Tại khoản 9 Điều 9 của Luật đã quy định trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thời hạn thị thực cấp theo điều ước quốc tế. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 8 Luật Điều ước quốc tế quy định Bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế đề xuất Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc đàm phán Điều ước quốc tế nhân danh nhà nước, đề xuất Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.  Do đó, trường hợp cần nghiên cứu, đàm phán ký kết điều ước quốc tế về thời hạn thị thực, Bộ Ngoại giao có thể căn cứ chức năng, nhiệm vụ để đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền. |
|  |  | Giao Chính phủ quyết định việc áp dụng miễn thị thực trên cơ sở có đi có lại với đối tác cụ thể:  Việc miễn thị thực song phương trên cơ sở có đi có lại (không phải đơn phương miễn thị thực) đã có thực tiễn ở Việt Nam là việc miễn thị thực trên cơ sở có đi có lại cho thành viên tổ bay của các hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam. Bên cạnh đó, việc một số nước đang áp dụng đơn phương miễn thị thực cho công dân Việt Nam cho thấy rằng nhiều nước sẵn sàng linh hoạt, tạo thuận lợi trong việc miễn thị thực hoặc đơn giản hóa thủ tục cấp thị thực cho công dân Việt Nam nếu như ta cũng áp dụng có đi có lại với phía nước ngoài. | Tại công văn số 1263/BNG-LS ngày 27/3/2023 của Bộ Ngoại giao tham gia ý kiến với dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật, Bộ Ngoại giao nêu một số nước (như Rumani, Belarus,…) miễn thị thực cho công dân Việt Nam nếu đáp ứng một số điều kiện cụ thể. Bộ Công an thấy, đối với việc một số nước tạo điều kiện thuận lợi về thị thực cho công dân Việt Nam, Bộ Ngoại giao cần nghiên cứu, đề xuất Chính phủ để đàm phán ký kết điều ước quốc tế về miễn thị thực song phương với các nước đã tạo thuận lợi cho công dân Việt Nam khi xin thị thực. Do đó, Bộ Công an đề nghị giữ như dự thảo Luật. |
|  |  | Đề nghị sửa đổi khoản 3 Ðiều 17 về thị thực SQ để cho phép CQĐD Việt Nam ở nước ngoài được quyền quyết định cấp thị thực trong một số trường hợp đối ngoại cần thiết hoặc khẩn cấp, vì lý do nhân đạo theo nguyên tắc CQĐD tự chịu trách nhiệm về việc cấp thị thực và phải thông báo việc cấp thị thực này cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an. | Về đề nghị của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an đã giải trình tại mục V.5 nêu trên (với thủ tục đơn giản, thuận tiện, minh bạch, nhanh chóng, người nước ngoài không phải đến CQĐD, không phải làm thủ tục đề nghị cấp thị thực qua khâu trung gian, người nước ngoài sẽ lựa chọn thị thực điện tử khi có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam). Do đó, Bộ Công an đề nghị giữ như dự thảo. |